ProRox® PS 960^{SA}

với công nghệ WR-Tech™

ProRox PS 960^{SA} là dạng ống định hình được tạo nên từ bông sợi đá, ứng dụng chất kết dính chống thấm nước tiên tiến WR-Tech nhằm giảm thiểu nguy cơ ăn mòn dưới lớp cách nhiệt (CUI). Theo yêu cầu, sản phẩm có thể được phủ thêm lớp nhôm (aluminium foil) gia cường để tăng độ bền và khả năng bảo vệ.



Ứng dụng & lắp đặt

Các đoạn cách nhiệt có độ bền cao này được thiết kế dạng tách đôi và có bản lề, giúp lắp đặt dễ dàng bằng cách kẹp vào ống. Sản phẩm đặc biệt phù hợp cho việc cách nhiệt nhiệt và âm thanh trong hệ thống đường ống công nghiệp hoạt động ở nhiệt độ cao và chịu tải cơ học lớn.

Tính chất sản phẩm theo tiêu chuẩn ASTM C547

Tính chất	Hiệu suất								Tiêu chuẩn
Độ dẫn nhiệt	Tm (°C)	50	100	150	200	250	300	350	ASTM C335
	λ (W/mK)	0.037	0.043	0.050	0.059	0.068	0.078	0.089	
Tỷ trọng danh nghĩa	120 kg/m³								ASTM C302
Nhiệt độ hoạt động tối đa	1,200°F (650°C)								ASTM C447
Độ co rút tuyến tính	≤ 5% tại nhiệt độ 1,200°F (650°C)								ASTM C411
Khả năng chống chảy xệ	≤ 2% tại nhiệt độ 1,200°F (650°C)								ASTM C356
Đặc tính cháy bề mặt	Độ lan truyền của ngọn lửa = đạt, Độ lan rộng của khói = đạt								ASTM E84
Phản ứng cháy	Phân loại Euro A1								EN 13501-1
Khả năng chống ăn mòn	Đánh giá xu hướng nứt do ăn mòn ứng suất bên ngoài của thép không gỉ austenit: Đạt yêu cầu. Phân tích hóa học đối với Cl^-, Fl^-, Na^+, SiO_4^{4-}: Kết quả nằm trong giới hạn chấp nhận theo ASTM C795. Lượng vết ion clorua hòa tan trong nước: ≤10 ppm								ASTM C692 / ASTM C795 ASTM C871 / ASTM C795 EN 13468
Độ hút nước	≤ 0.04 lb/ft² (≤ 0.2 kg/m²) sau 24 giờ, sau khi tiền gia nhiệt ở 482°F (250°C)								EN 13472
Độ hấp thụ hơi nước	Dưới 1% khối lượng								ASTM C1104
Tác động đến hệ thống sơn phủ	Không chứa các chất có thể ảnh hưởng đến khả năng thấm ướt bề mặt (vd: dầu silicone)								VW 3.10.7

Tuân thủ tiêu chuẩn

- Bông sợi đá dạng ống định hình ProRox PS 960^{SA} hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu theo các tiêu chuẩn quốc tế được công nhận như ASTM C547: Loại A cho Type I, II, IV, EN 14303, CINI 2.2.03, VDI 2055 và ASTM C795.
- Các đặc tính sản phẩm nêu trên chỉ phản ánh theo tiêu chuẩn ASTM. Vui lòng liên hệ đại diện kinh doanh của chúng tôi để biết thêm danh sách đầy đủ các chứng nhận và phê duyệt.

Vì ROCKWOOL không kiểm soát được thiết kế hệ thống cách nhiệt, tay nghề thi công, vật liệu phụ trợ hoặc điều kiện ứng dụng, nên ROCKWOOL không bảo đảm hiệu suất hoặc kết quả của bất kỳ hệ thống lắp đặt nào có sử dụng sản phẩm của ROCKWOOL. Trách nhiệm pháp lý tổng thể của ROCKWOOL và các biện pháp khắc phục (nếu có) được giới hạn theo các điều khoản và điều kiện bán hàng chung. Bản bảo hành này thay thế cho tất cả các bảo hành và điều kiện khác, dù là rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm cả bảo đảm về khả năng thương mại và sự phù hợp với mục đích sử dụng cụ thể. Kỹ thuật cách nhiệt ROCKWOOL bảo lưu quyền thay đổi sản phẩm khi cần thiết mà không cần thông báo trước. Do đó, các thông số kỹ thuật có thể thay đổi.

Văn phòng đại diện ROCKWOOL (Thailand) Limited
232/2 Bình Lợi,
Phường Bình Lợi Trung,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
T (+84) 283 5530 150

ROCKWOOL Malaysia Sdn Bhd
Lot 4, Solok Waja 1 Bukit
Raja Industrial Estate 41050
Klang, Selangor, Malaysia.
T (+60) 3 3346 8200

PT ROCKWOOL Trading Indonesia
South Quarter Towner C 10th floor. Jl
RA Kartini Kav 8, Cilandak Barat,
Cilandak, Jakarta Selatan 12430,
Indonesia.
T (+62) 21 5098 2370

ROCKWOOL Building Materials (Singapore) Pte. Ltd.
No 7, Tuas Avenue 1,
Jurong Town,
Singapore 639492.
T (+65) 6861 4722